

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20-6-2023

“V/v Ly hôn,
tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Được
2. Ông Nguyễn Văn Hà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Khuê – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2023; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Hoàng T, sinh năm: 1978; địa chỉ: ấp T, xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Châu H, sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp T, xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Võ Hoàng T trình bày:

Ông và bà Bùi Thị Châu H sống chung với nhau từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Phước, thành phố Bà Rịa năm 2006. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi, cưới. Sau khi lấy nhau ông bà chung sống tại địa chỉ ấp Tân Thuận, xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ông T và bà H chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm, lối sống hằng ngày. Tình trạng trên kéo dài mà không thể giải quyết được nên thường xảy ra tranh cãi

và mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Ông bà đã tự hòa giải để hàn gắn nhiều lần nhưng không thành và đã ly thân từ thời gian đó đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm lẫn như cuộc sống thường ngày. Nhận thấy giữa ông và bà H không còn tình cảm với nhau nữa, đề nghị được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung tên Võ Bùi Hoàng Tính, sinh ngày 21/6/2007 và Võ Hoàng Tú Anh, sinh ngày 22/12/2019. Các con đều đang sống cùng với bà H. Ông T đồng ý giao hai con chung cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa bị đơn bà Bùi Thị Châu H trình bày:

Bà H thống nhất với lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân cũng như thời gian chung sống vợ chồng, con chung. Bà H không có ý kiến và cũng không trình bày bất kỳ quan điểm gì về vấn đề hôn nhân, nợ chung và tài sản chung.

Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung tên Võ Bùi Hoàng T1, sinh ngày 21/6/2007 và Võ Hoàng Tú A, sinh ngày 22/12/2019. Các con đều đang sống cùng với bà H. Bà H đồng ý nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án là chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông Võ Hoàng T có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của ông Võ Hoàng T xin ly hôn với bà Bùi Thị Châu H là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông T được ly hôn với bà H; Về con chung: Có 02 con chung là Võ Bùi Hoàng T1, sinh ngày 21/6/2007 và Võ Hoàng Tú A, sinh ngày 22/12/2019. Hiện nay hai con chung đều đang sống cùng với bà H, theo yêu cầu của đương sự và nguyện vọng của con chung chưa thành niên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Võ Hoàng T yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị Châu H, bị đơn đang cư trú tại huyện Đất Đỏ, thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Võ Hoàng T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Võ Hoàng T và bà Bùi Thị Châu H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 041 ngày 12/6/2006 của Ủy ban nhân dân xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông T thì trong quá trình chung sống, giữa ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi do hai bên bất đồng quan điểm sống về mọi mặt nên cuộc sống chung không phù hợp, không thể giải quyết được và thường xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Tuy đã cùng nhau nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng vẫn không thành. Ông T nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không quan tâm đến nhau nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà H, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà ông T đã giao nộp cho Tòa án. Đồng thời đã nhiều lần triệu tập bà H đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của ông T; cũng như thông báo để bà H tham gia các phiên hòa giải nhưng bà đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bà H có mặt nhưng không trình bày nguyên nhân mâu thuẫn gia đình và cũng không có phương án nào để hàn gắn tình cảm gia đình, không đưa ra ý kiến gì về việc ông T yêu cầu ly hôn.

Từ những lời trình bày của ông T và bà H nhận thấy ông bà có mâu thuẫn với nhau về đời sống gia đình, quan điểm sống và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, trong thời gian này ông bà không gặp nhau để hòa giải cũng như hàn gắn tình cảm gia đình. Điều này đã chứng minh ông bà không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung tên là Võ Bùi Hoàng T1, sinh ngày 21/6/2007 và Võ Hoàng Tú A, sinh ngày 22/12/2019. Hiện hai con chung đều đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Theo nguyện vọng của con chung chưa thành niên và yêu cầu của ông T, giao 2 con chung cho bà H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Hoàng T được ly hôn với bà Bùi Thị Châu H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Bùi Hoàng T1, sinh ngày 21/6/2007 và Võ Hoàng Tú A, sinh ngày 22/12/2019 cho bà Bùi Thị Châu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của ông T, bà H không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Võ Hoàng T được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Võ Hoàng T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010130 ngày 08/02/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Ông T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THA DS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã Long Phước, TP. Bà Rịa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

TRẦN THỊ MỸ DUNG